

Số: 180 /BC-SCT

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

## BÁO CÁO

### Diễn biến thị trường, giá cả tỉnh Thái Nguyên tháng 02 năm 2019

#### I. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

##### 1. Tình hình chung

Tháng 02/2019 trùng với dịp Tết Nguyên đán nên nhu cầu tiêu dùng của nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng, khiến chỉ số giá tiêu dùng chung tăng 0,89% so với tháng trước, tăng 2,78% so với cùng kỳ và tăng 0,91% so với tháng 12 năm 2018.

##### 2. Chỉ số giá nhóm hàng

NHÓM HÀNG	Chỉ số giá tháng báo cáo so với		
	Tháng trước (%)	Cùng kỳ năm trước (%)	Tháng 12/2018 (%)
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>100,89</b>	<b>102,78</b>	<b>100,91</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	102,22	106,03	102,9
Trong đó: Lương thực	100,1	98,98	99,97
Thực phẩm	102,84	107,17	103,79
Đồ uống và thuốc lá	99,81	100,06	100,1
May mặc, mũ nón, giày dép	99,5	101,77	99,97
Nhà ở và vật liệu xây dựng	101,64	102,59	101,68
Thiết bị và đồ dùng gia đình	99,86	100,85	99,94
Thuốc và dịch vụ y tế	99,97	103,14	100
Giao thông	99,66	95,98	97,13
Bưu chính viễn thông	99,99	98,54	99,9
Giáo dục	100,01	103,34	100,03
Văn hoá, giải trí và du lịch	99,72	98,65	99,67
Hàng hoá và dịch vụ khác	100,02	101,5	100,4
Chỉ số giá vàng	101,6	99,86	104,42
Chỉ số tỷ giá USD	99,95	102,22	99,52



### 3. Diễn biến chỉ số giá cả một số mặt hàng thiết yếu

3.1. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,22% so với tháng trước, tăng 6,03% so với cùng kỳ và tăng 2,9% so với tháng 12/2018: Chỉ số giá lương thực tăng 0,1% so với tháng trước, giảm 1,02% so với cùng kỳ và giảm 0,03% so với tháng 12/2018; chỉ số giá thực phẩm tăng 2,84% so với tháng trước, tăng 7,17% so với cùng kỳ và tăng 3,79% so với tháng 12/2018.

3.2. Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,19% so với tháng trước, tăng 0,06% so với cùng kỳ và tăng 0,1% so với tháng 12/2018.

3.3. Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,5% so với tháng trước, tăng 1,77% so với cùng kỳ nhưng giảm 0,03% so với tháng 12/2018.

3.4. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,64% so với tháng trước, tăng 2,59% so với cùng kỳ và tăng 1,68% so với tháng 12/2018.

3.5. Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,14% so với tháng trước, tăng 0,85% so với cùng kỳ nhưng giảm 0,06% so với tháng 12/2018.

3.6. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,03% so với tháng trước, tăng 3,14% so với cùng kỳ, tương đương so với tháng 12/2018.

3.7. Nhóm giao thông giảm 0,34% so với tháng trước, giảm 4,02% so với cùng kỳ và giảm 2,87% so với tháng 12/2018.

3.8. Bưu chính viễn thông giảm 0,01% so với tháng trước, giảm 1,46% so với cùng kỳ và giảm 0,1% so với tháng 12/2018.

3.9. Nhóm giáo dục tăng 0,01% so với tháng trước, tăng 3,34% so với cùng kỳ và tăng 0,03% so với tháng 12/2018.

3.10. Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,28% so với tháng trước, giảm 1,35% so với cùng kỳ và giảm 0,33% so với tháng 12/2018.

3.11. Vàng, ngoại tệ: Trong tháng 2/2019 chỉ số giá vàng tăng 1,6% so với tháng trước, giảm 0,14% so với cùng kỳ nhưng tăng 4,42% so với tháng 12/2018; Chỉ số giá USD giảm 0,05% so với tháng trước, tăng 2,22% so với cùng kỳ nhưng giảm 0,48% so với tháng 12/2018.

## II. XU HƯỚNG GIÁ CẢ THÁNG 03/2019

Dự báo chỉ số giá tiêu dùng tháng 03 ổn định so với tháng 02/2019. /.

#### Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND; UBND Tỉnh (b/c);
- Vụ Thị trường trong nước (b/c);
- Vụ Thương mại biên giới và miền núi (b/c);
- LĐ Sở;
- TT.XTTM (đăng Website);
- Lưu: VT, P.KHTCTH.



Nguyễn Ngô Quyết